

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 436/TB-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 29 tháng 3 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v: Tuyển sinh Sau đại học năm 2019

- Kính gửi:
- Các Sở Y tế;
 - Các bệnh viện TW, bệnh viện Tỉnh;
 - Các Trung tâm Y tế
 - Các Trường Đại học Y, Dược, Y tế công cộng;
 - Các Trường Cao đẳng Y tế, Trung cấp Y tế.

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ thông báo kế hoạch tuyển sinh Sau đại học năm 2019 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Các chuyên ngành tuyển sinh

TT	Ngành – Chuyên ngành	CKI	CKII	BSNT	Cao học	NCS
1	Khoa học y sinh					
	+ Y học hình thái (. Giải phẫu học . Giải phẫu bệnh và PY)	x			x	
	+ Y học chức năng	x			x	
	. Sinh lý học					x
	. Sinh lý bệnh và miễn dịch					x*
	+ Vi sinh và ký sinh trùng				x	
2	Ngoại khoa					
	+ Ngoại khoa	x	x	x	x	
	+ Ngoại tiêu hóa					x
	+ Ngoại thận và tiết niệu		x		x	x*
	+ Chấn thương chỉnh hình và tạo hình		x		x	
3	Sản phụ khoa	x	x	x		
4	Nhi khoa	x	x	x	x	
5	Nội khoa					
	+ Nội khoa	x	x	x	x	x*
	+ Da liễu	x	x	x	x	
	+ Thần kinh	x	x	x	x	

TT	Ngành – Chuyên ngành	CKI	CKII	BSNT	Cao học	NCS
	+ Tâm thần	x				
	+ Lao và bệnh phổi	x				
6	Ung thư	x	x	x		
7	Điện quang và y học hạt nhân					
	+ Chẩn đoán hình ảnh	x		x*		
8	Y học cổ truyền	x	x	x*	x*	
9	Tai mũi họng	x	x	x		
10	Nhãn khoa	x				
11	Y học dự phòng	x	x		x	
12	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc	x				
13	Dược lý và dược lâm sàng	x	x		x	
14	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất	x			x	x*
15	Tổ chức quản lý dược	x	x			
16	Điều dưỡng	x				
17	Răng hàm mặt	x	x	x	x	x*
18	Kỹ thuật xét nghiệm y học	x			x	
19	Y tế công cộng	x	x		x	x
20	Quản lý y tế		x			
21	Y học gia đình	x				

Các ngành đánh dấu "*" sẽ có thông báo nhận hồ sơ sau

2. Hình thức, thời gian đào tạo

- Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II, Thạc sĩ: Đào tạo tập trung 2 năm.
- Bác sĩ nội trú: Đào tạo tập trung 3 năm.
- Tiến sĩ: Đào tạo tập trung; có bằng thạc sĩ 3 năm, bằng đại học 4 năm.

II. ĐIỀU KIỆN DỰ THI, CÁC MÔN THI TUYỂN/XÉT TUYỂN

1. CHUYÊN KHOA CẤP I

a. Điều kiện dự thi:

- Có bằng tốt nghiệp đại học tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi và có chứng chỉ hành nghề (theo quy định tại Luật khám chữa bệnh).

- Tiêu chuẩn cụ thể trình độ chuyên môn từng chuyên ngành:

+ Thí sinh dự thi ngành Nội khoa, Nhi khoa, Thần kinh, Da liễu, Y học gia đình, Ung thư, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Tai Mũi Họng, Nhãn khoa, Y học chức năng phải có bằng bác sĩ đa khoa và chứng chỉ hành nghề đúng với chuyên ngành dự thi.

Trường hợp chứng chỉ hành nghề không đúng nhưng gần với chuyên ngành dự thi, thí sinh phải có xác nhận đã và đang làm việc trong chuyên ngành dự thi tối thiểu 12 tháng (riêng chuyên ngành Tai mũi họng, Nhãn khoa phải có thêm chứng chỉ định hướng chuyên khoa).

+ Thí sinh dự thi chuyên ngành Y học cổ truyền phải có bằng bác sĩ y học cổ truyền và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Y học cổ truyền.

+ Thí sinh dự thi ngành Răng Hàm Mặt phải có bằng bác sĩ Răng Hàm Mặt và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Răng Hàm Mặt.

+ Thí sinh dự thi chuyên ngành Tổ chức Quản lý dược, Dược lý-Dược lâm sàng, Công nghệ dược phẩm-Bào chế, Kiểm nghiệm thuốc-Độc chất phải có bằng Dược sĩ đại học và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Dược hoặc xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng.

+ Thí sinh dự thi chuyên ngành Điều dưỡng phải có bằng cử nhân điều dưỡng và chứng chỉ hành nghề thuộc lĩnh vực Điều dưỡng.

+ Thí sinh dự thi chuyên ngành Y tế công cộng phải có bằng bác sĩ đa khoa, bác sĩ y học dự phòng hoặc cử nhân y tế công cộng và có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng.

+ Thí sinh dự thi chuyên ngành Y học dự phòng phải có bằng bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ y học dự phòng và có xác nhận thời gian làm việc tối thiểu 12 tháng.

+ Thí sinh dự thi chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học phải có bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học hoặc bác sĩ đa khoa. Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp các ngành: Dược sĩ đại học, cử nhân Điều dưỡng, Công nghệ sinh học,... phải có chứng chỉ Bổ túc kiến thức về chuyên ngành xét nghiệm do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cấp.

- Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Có đủ sức khỏe.

- Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có thẩm quyền, có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi theo mẫu (bắt buộc)

b. Các môn thi tuyển: 2 môn: cơ sở và chuyên ngành

1 - Môn cơ sở:

+ Giải phẫu học: cho các chuyên ngành: Ngoại, Sản, Ung thư, Tai mũi họng, Răng hàm mặt, Nhãn khoa, Chẩn đoán hình ảnh

+ Sinh lý học: cho các chuyên ngành: Nội, Thần kinh, Nhi, Y học cổ truyền, Da liễu, Dược lý và dược lâm sàng, Lao và bệnh phổi, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Y học hình thái.

+ Tổ chức quản lý y tế: cho các chuyên ngành: Y học gia đình, Tổ chức quản lý dược.

+ Thống kê y tế: cho các chuyên ngành: Y tế công cộng và Y học dự phòng

+ Sinh lý bệnh: cho chuyên ngành Y học chức năng.

+ Điều dưỡng cơ bản: cho chuyên ngành Điều dưỡng.

+ Hóa phân tích: cho các chuyên ngành: Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc, Kiểm nghiệm thuốc và độc chất

2 - Môn chuyên ngành: theo chuyên ngành xin đăng ký dự thi.

2. CHUYÊN KHOA CẤP II

a. Điều kiện dự thi:

- Người có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi từ 6 năm trở lên (*tính từ ngày tốt nghiệp đại học*); hoặc có bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú/thạc sĩ chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành dự thi từ 36 tháng trở lên (*tính từ ngày tốt nghiệp bác sĩ nội trú/thạc sĩ*). Trường hợp thí sinh có bằng tốt nghiệp chuyên khoa I, thạc sĩ các chuyên ngành gần với chuyên ngành dự thi phải có chứng chỉ bổ túc kiến thức chuyên khoa I tương ứng chuyên ngành dự thi do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cấp.

- Có chứng chỉ hành nghề phù hợp với chuyên ngành dự thi (*theo quy định tại Luật khám chữa bệnh*)

- Có đủ sức khỏe.

- Lý lịch rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Công văn cử đi dự thi của cơ quan quản lý trực tiếp có thẩm quyền, có xác nhận đang công tác trong chuyên ngành dự thi theo mẫu (bắt buộc).

b. Các môn thi tuyển: 2 môn: ngoại ngữ và chuyên ngành.

1 - Môn ngoại ngữ: tương đương trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (PLIIa).

*** Miễn thi môn ngoại ngữ**

- Thí sinh đạt trình độ bậc 3/6 của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự thi (phụ lục 2) được miễn thi tuyển sinh nhưng phải học và thi đạt môn ngoại ngữ trong quá trình đào tạo đạt chuẩn đầu ra mới được xét tốt nghiệp.

- Thí sinh đạt trình độ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp đến ngày đăng ký dự thi được miễn học, miễn thi tuyển sinh và đạt chuẩn đầu ra.

2 - Môn chuyên ngành: theo chuyên ngành đăng ký dự thi.

3. BÁC SĨ NỘI TRÚ

a. Điều kiện dự thi:

- Vừa mới tốt nghiệp đại học hệ chính qui năm 2019, thuộc ngành học tương ứng với ngành tốt nghiệp đại học và đạt loại khá trở lên (*chỉ tính điểm thi tốt nghiệp đạt lần 1*).

- Có đủ sức khỏe.

- Trong các năm học không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên, không bị dừng tiến độ học tập (*trừ lý do sức khỏe*).

- Thí sinh đăng ký dự thi chuyên ngành nào thì các cột điểm học phần thuộc chuyên ngành đó phải đạt từ 7,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 ở lần thi thứ nhất. Cho phép 25% số cột điểm dưới 7,0 nhưng từ 6,5 trở lên; hoặc dưới 20% số cột điểm dưới 7,0 nhưng từ 6,0 trở lên.

Riêng thí sinh dự thi ngành Răng Hàm Mặt: Xét các cột điểm học phần phẫu thuật miệng, phẫu thuật hàm mặt, bệnh học miệng – hàm mặt.

* Thí sinh tốt nghiệp đạt loại xuất sắc, nếu có đủ điều kiện qui định trên sẽ được xét miễn thi tuyển.

b. Các môn thi tuyển: gồm 5 môn

1 - Môn thi 1: Toán thống kê (theo chương trình đại học y đa khoa).

2 - Môn thi 2: Ngoại ngữ: tương đương trình độ 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

* *Miễn thi ngoại ngữ: theo điều kiện miễn thi ngoại ngữ của Chuyên khoa cấp 2 (IIb)*

3 - Môn thi 3: chọn 1 trong 4 môn gồm Giải phẫu; Sinh lý; Hóa sinh; Y sinh học di truyền. Ngay trước giờ thi, đại diện thí sinh sẽ bốc thăm để chọn môn thi này, môn được chọn sẽ là môn thi thứ 3 cho tất cả các thí sinh.

4 - Môn thi 4 và 5: Thí sinh đăng ký dự thi các chuyên ngành hệ Ngoại: môn thi 4 là *Ngoại khoa*, môn thi 5 là *Sản phụ khoa*. Thí sinh đăng ký dự thi các chuyên ngành hệ Nội: môn thi 4 là *Nội khoa*, môn thi 5 là *Nhi khoa*. Đối với Bác sĩ Răng Hàm Mặt: Môn thi 4 là *Nha khoa*; môn thi 5 là *Phẫu thuật miệng và hàm mặt*

Môn 4 được xem là môn chuyên ngành. Riêng dự thi chuyên ngành Sản phụ khoa môn chuyên ngành là Sản phụ khoa; dự thi chuyên ngành Nhi khoa môn chuyên ngành là Nhi khoa, dự thi chuyên ngành Ung thư môn chuyên ngành là Ngoại khoa.

4. THẠC SĨ

a. Điều kiện dự thi

- **Về văn bằng:** tốt nghiệp đại học phù hợp chuyên ngành dự thi

+ Ngành Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Khoa học y sinh thí sinh phải có bằng bác sĩ đa khoa.

+ Ngành Răng Hàm Mặt: thí sinh phải có bằng Bác sĩ Răng hàm mặt.

+ Ngành Kiểm nghiệm thuốc và độc chất, Dược lý dược lâm sàng: thí sinh phải có bằng Dược sĩ đại học.

+ Ngành Y học dự phòng: thí sinh phải có bằng Bác sĩ đa khoa hoặc bác sĩ y học dự phòng.

+ Ngành Y tế công cộng: thí sinh phải có bằng Bác sĩ đa khoa hoặc Bác sĩ y học dự phòng, Dược sĩ đại học, cử nhân y tế công cộng. Thí sinh có bằng tốt nghiệp cử nhân chính qui các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật y học phải có chứng chỉ Bổ túc kiến thức Y tế công cộng trong thời gian 3 tháng với 24 tín chỉ; thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học liên thông các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật y học dự thi ngành y tế công cộng phải có chứng chỉ Bổ túc kiến thức Y tế công cộng trong thời gian 6 tháng với 48 tín chỉ của chương trình y tế công cộng do Trường Đại học Y Dược Cần Thơ cấp.

+ Ngành Kỹ thuật xét nghiệm: thí sinh phải có bằng cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học hoặc Bác sĩ đa khoa.

- **Về thâm niên:**

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui loại giỏi phải có thâm niên công tác liên tục ít nhất 9 tháng trong chuyên ngành tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến

ngày dự thi (có xác nhận bảo hiểm xã hội về thời gian công tác tại cơ quan và xác nhận của cơ quan về lĩnh vực công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui (loại khá trở xuống) phải có thâm niên công tác liên tục ít nhất 12 tháng trong chuyên ngành tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (có xác nhận bảo hiểm xã hội về thời gian công tác tại cơ quan và xác nhận của cơ quan về lĩnh vực công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học hệ liên thông phải có thâm niên công tác liên tục ít nhất 24 tháng trong chuyên ngành tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (có xác nhận bảo hiểm xã hội về thời gian công tác tại cơ quan và xác nhận của cơ quan về lĩnh vực công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp cử nhân chính qui các ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật y học dự thi ngành Y tế công cộng phải có đủ ít nhất 12 tháng kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực y tế công cộng, y học dự phòng tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (có xác nhận bảo hiểm xã hội về thời gian công tác tại cơ quan và xác nhận của cơ quan về lĩnh vực công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học liên thông các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật y học dự thi ngành Y tế công cộng phải có đủ ít nhất 24 tháng làm việc trong lĩnh vực y tế công cộng, y học dự phòng tính từ ngày ký trên bằng tốt nghiệp đến ngày dự thi (có xác nhận bảo hiểm xã hội về thời gian công tác tại cơ quan và xác nhận của cơ quan về lĩnh vực công tác phù hợp với chuyên ngành dự thi).

b. Các môn thi tuyển: 3 môn.

1 - Môn ngoại ngữ: ngoại ngữ dùng trong thi tuyển là tiếng Anh trình độ tương đương bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

*** Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ nếu có một trong những điều kiện sau:**

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ được quy định tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

2 - Môn cơ sở:

+ Giải phẫu: đối với Ngoại khoa, Y học chức năng, Răng Hàm Mặt,

+ Sinh lý: đối với Nội khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng, Y học dự phòng, Dược lý Dược lâm sàng, Kỹ thuật xét nghiệm, Y học hình thái, Vi sinh và Ký sinh trùng

- + Hóa phân tích: đối với Kiểm nghiệm thuốc và độc chất.
- 3 - Môn chuyên ngành:
 - + Tổ chức quản lý y tế: đối với Y tế công cộng, Y học dự phòng.
 - + Chuyên môn Ngoại: đối với Ngoại khoa.
 - + Chuyên môn Nội: đối với Nội khoa, Thần kinh, Da liễu.
 - + Chuyên môn Nhi: đối với Nhi khoa.
 - + Chuyên môn Y học chức năng (*bao gồm Sinh lý, Sinh hóa, Sinh lý bệnh-Miễn dịch, Y sinh học di truyền*): đối với Y học chức năng.
 - + Chuyên môn Y học hình thái (*bao gồm Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Mô phôi*): đối với Y học hình thái.
 - + Chuyên môn Vi sinh và Ký sinh trùng: đối với Vi sinh và Ký sinh trùng.
 - + Chuyên môn Nha khoa: đối với Răng Hàm Mặt.
 - + Chuyên môn Kiểm nghiệm thuốc: đối với Kiểm nghiệm thuốc và độc chất.

5. TIỀN SĨ

Điều kiện xét tuyển:

1. **Văn bằng:** Thí sinh dự xét tuyển phải có một trong các điều kiện sau:
 - Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển; và có bằng đại học thuộc khối ngành khoa học sức khỏe.
 - + Chuyên ngành Ngoại khoa: thí sinh phải có bằng thạc sĩ Ngoại khoa
 - + Chuyên ngành Khoa học y sinh: thí sinh phải có bằng thạc sĩ Y học chức năng/Y học hình thái.
 - + Chuyên ngành Y tế công cộng: thí sinh phải có bằng thạc sĩ Y học dự phòng, hoặc thạc sĩ Y tế công cộng và bằng đại học thuộc khối ngành Khoa học sức khỏe.
 - Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: Có bằng tốt nghiệp đại học khối ngành khoa học sức khỏe hệ chính quy loại giỏi trở lên phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển.
2. **Thâm niên công tác:**

Thời gian công tác đúng chuyên ngành đăng ký dự xét tuyển tính từ khi tốt nghiệp đại học đến ngày xét tuyển:

 - Người dự xét tuyển có bằng tốt nghiệp bác sĩ/được sĩ đại học hệ chính qui:
 - + Đối với chuyên ngành Ngoại khoa: có chứng chỉ hành nghề và:
 - Loại giỏi, có bằng thạc sĩ.
 - Loại giỏi: 60 tháng (5 năm);
 - Loại khá: 72 tháng (6 năm), có bằng thạc sĩ;
 - Loại trung bình: 84 tháng (7 năm), có bằng thạc sĩ;
 - + Đối với ngành Y tế công cộng, Khoa học y sinh: thời gian công tác giảm đi một năm tương ứng với từng xếp loại trên bằng tốt nghiệp.
 - Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp cử nhân Y tế công cộng hệ chính qui: thâm niên công tác tính như ngành Ngoại khoa.

- Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp bác sĩ/ dược sĩ đại học hệ liên thông: Thời gian công tác đúng chuyên ngành đăng ký dự tuyển tính từ khi tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (*không kể thời gian học thạc sĩ*) là 96 tháng (8 năm).

3. Ngoại ngữ:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (*có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh*).

4. Minh chứng nghiên cứu khoa học

- Đối với người có bằng thạc sĩ: Có ít nhất 1 bài báo (đứng tên thứ nhất) liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng).

- Đối với người chưa có bằng thạc sĩ: Có ít nhất 2 bài báo (đứng tên thứ nhất) được công bố trong tạp chí khoa học, trong đó có ít nhất 1 bài liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng).

- Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

5. Công trình nghiên cứu khoa học: Có ít nhất 1 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu.

6. Thư giới thiệu: Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

7. Có đề cương về dự định nghiên cứu (có mẫu kèm theo).

8. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người tốt nghiệp loại giỏi hoặc thạc sĩ chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

9. Thí sinh trúng tuyển phải đóng kinh phí đào tạo và học phí theo qui định.

10. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo.

III. CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

1. Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm 1, Khoản này;

f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

g) Đối tượng theo quyết định 319/QĐ-TTG ngày 07 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về khuyến khích đào tạo và phát triển nhân lực y tế các chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Pháp y và Giải phẫu bệnh.

2. Chính sách ưu tiên:

- Chỉ xét ưu tiên cho thí sinh dự thi cao học, chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II. Riêng thí sinh dự thi chuyên khoa cấp II chỉ ưu tiên mục a, e, g. Người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

- Người dự thi cao học thuộc diện ưu tiên: được cộng vào kết quả thi 10 điểm (mười điểm) cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng 1 điểm (thang điểm 10) cho môn cơ sở nếu đạt điểm thi từ trung bình trở lên.

- Người dự thi chuyên khoa cấp I thuộc diện ưu tiên: được cộng thêm 01 điểm (một điểm) cho môn cơ sở (thang điểm 10).

- Người dự thi chuyên khoa cấp II thuộc diện ưu tiên: được cộng thêm 10 điểm (mười điểm) cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi ngoại ngữ.

IV. HỒ SƠ DỰ THI

Hồ sơ dự thi gồm: (tất cả các bản sao phải có công chứng)

1. Đơn xin dự thi.
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc chính quyền địa phương (phải có dán ảnh).
3. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp (có dán ảnh, đóng dấu tròn).
4. Bản sao bằng tốt nghiệp và bảng điểm toàn khóa bậc đại học và sau đại học (nếu dự tuyển Chuyên khoa cấp II, Tiến sĩ)
5. Bản sao chứng chỉ hành nghề, các chứng chỉ định hướng chuyên khoa, bổ túc kiến thức, chuẩn hóa kiến thức, ... theo yêu cầu của từng đối tượng.
6. Bản sao công văn cử đi dự thi tuyển sinh của cơ quan quản lý. Trường hợp thí sinh công tác tại các cơ sở không có dấu tròn thì phải có thêm xác nhận của Phòng Y tế hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh đang công tác về hoạt động của cơ sở. Riêng thí sinh dự thi Bác sĩ nội trú thuộc diện đào tạo theo địa chỉ sử dụng phải có công văn của Ủy ban tỉnh đồng ý cho dự thi và giấy xác nhận quá trình học tập đại học của Trường đối với thí sinh dự thi BSNT.
7. Bản photo quyết định bổ nhiệm hoặc quyết định nâng lương gần nhất, hoặc bản sao hợp đồng lao động (đủ để minh chứng cho việc đã và đang làm việc tại đơn vị).
8. Giấy xác nhận thâm niên công tác của cơ quan có thẩm quyền theo yêu cầu của từng đối tượng.
9. Xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của từng đối tượng.
10. Giấy xác nhận thuộc diện ưu tiên kèm theo bản sao các minh chứng (nếu có).
11. Đơn xin miễn thi ngoại ngữ kèm theo bản sao các minh chứng (nếu có).
12. Bốn ảnh 3x4 (chụp không quá 6 tháng, ghi họ tên, ngày sinh, và chuyên ngành) và 03 phong bì dán tem ghi sẵn địa chỉ liên hệ của thí sinh.
13. Phiếu in kết quả đăng ký thông tin tuyển sinh trực tuyến
- * **Đối với thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ cần thêm:**
14. Ít nhất 01 thư giới thiệu như trong mục 6 của điều kiện xét tuyển trình độ tiến sĩ;
15. 08 bộ Lý lịch khoa học kèm danh mục các công trình nghiên cứu khoa học có bản sao các công trình nghiên cứu đã được công bố (gồm: trang bìa, trang mục lục, toàn văn bài báo); danh mục các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã thực hiện có quyết định nghiệm thu đề tài
16. 08 quyền đề cương nghiên cứu khoa học (theo mẫu phụ lục)

V. THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

- Thời gian phát hành hồ sơ bắt đầu từ ngày: 16/04/2019 tại Phòng Đào tạo Sau Đại học (tầng 2 Khu Nhà tròn - Khoa Y) - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (số 179 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ).

- Nộp hồ sơ và lệ phí ôn thi, dự thi từ 14/05/2019 đến 31/05/2019 tại Phòng Đào tạo Sau Đại học (tầng 2 Khu Nhà tròn - Khoa Y) và Phòng Tài chính kế toán (tầng trệt Khu

Nhà tròn - Khoa Y) - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (số 179 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ)

Riêng thí sinh dự thi Bác sĩ nội trú:

+ 14 - 31/05/2019 chỉ nộp hồ sơ với các giấy tờ đã hoàn chỉnh (Đơn xin dự thi, lý lịch, Giấy khám sức khỏe,...);

+ 23-31/07/2019: nộp bổ sung các giấy tờ khác (bằng tốt nghiệp, bảng điểm,...) và lệ phí dự thi.

Ghi chú:

+ Không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

+ Khi nộp hồ sơ dự thi, thí sinh phải mang theo các loại văn bằng bản gốc để cơ sở đào tạo đối chiếu.

+ Trước khi nộp hồ sơ; thí sinh đăng ký thông tin tuyển sinh trực tuyến trên trang web của trường tại địa chỉ: **htql.ctump.edu.vn/ctump/tssdh**

+ Các loại giấy tờ được sắp xếp theo đúng thứ tự và đựng trong túi hồ sơ (Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận hồ sơ đủ các giấy tờ theo quy định ở trên)

VI. LỆ PHÍ ÔN THI VÀ THI TUYỂN, XÉT TUYỂN

1. Ôn thi:

Thời gian ôn thi: **từ 17/06/2019** (Xem lịch ôn thi và địa điểm ôn thi cụ thể tại Phòng Đào tạo Sau đại học và Website của trường trước ngày bắt đầu ôn 1 tuần).

- Bác sĩ nội trú tự ôn tập các môn: Sinh lý, Giải phẫu, Hóa sinh, Y sinh học di truyền, môn chuyên ngành theo chương trình đào tạo tương ứng trong khóa học 2013 - 2019.

Nhận giấy báo dự thi: **13-16/08/2019** tại Phòng Đào tạo Sau đại học.

2. Lệ phí:

- Lệ phí đăng ký dự thi:

+ Đối với thí sinh đến nộp tại Trường: 80.000 đ / thí sinh

+ Đối với thí sinh nộp tại Sở Y tế: 95.000đ / thí sinh.

- Lệ phí ôn thi:

+ Đối với CKI, Cao học, BS. Nội trú: 980.000 đ / môn

+ Đối với CKII: 1.300.000 đ / môn

- Lệ phí thi:

+ Đối với CKI, Cao học, BS. Nội trú: 250.000 đ / môn

+ Đối với CKII: 400.000 đ / môn

- Lệ phí xét tuyển hồ sơ trình độ tiến sĩ: 1.000.000 đ / thí sinh

- Lệ phí hội đồng duyệt đề cương dự tuyển trình độ tiến sĩ: 3.000.000 đ / thí sinh

Nếu thí sinh đăng ký dự thi tiếng Pháp, Nga, Đức, Trung phải chịu toàn bộ chi phí tổ chức thi môn ngoại ngữ đó.

* Trong thời gian ôn tập và thi tuyển thí sinh phải tự túc nơi ăn, ở.

* Học viên sẽ không được giải quyết hoàn trả lệ phí ôn thi ngay khi thời điểm ôn thi đã được triển khai.

VII. THỜI GIAN THI TUYỂN

Thời gian thi: (dự kiến)

- 14 giờ ngày 20/08/2019: phổ biến qui chế thi và làm thủ tục dự thi tại Phòng thi thuộc Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (theo giấy báo dự thi).

- Các buổi thi chính thức:

ĐỐI TƯỢNG	Môn thi					
	S 21/8	C 21/8	S 22/8	C 22/8	S 23/8	C 23/8
CKII		Chuyên môn	Ngoại ngữ			
CKI	Cơ sở	Chuyên môn				
Cao học	Cơ sở	Chuyên môn				
BSNT Nội, Da Liễu, Thần kinh	Cơ sở (Đối với thí sinh có đăng ký thi Cao học Nội, Ngoại, Nhi, RHM)	CM Nhi	Ngoại ngữ	Toán Thống kê	Cơ sở (Chọn 1 trong 4 môn: Sinh lý, Giải phẫu, Hóa sinh, Y sinh học di truyền)	CM Nội
BSNT Nhi		CM Nội				CM Nhi
BSNT Ngoại, TMH, Ung thư		CM Sản				CM Ngoại
BSNT Sản		CM Ngoại				CM Sản
BSNT RHM		Nha khoa				Phẫu thuật miệng và hàm mặt

Thời gian xét tuyển và chấm đề cương thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ: 10 - 20/09/2019 tại Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

VIII. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TRÚNG TUYỂN

1. Chuyên khoa cấp I và chuyên khoa cấp II

Điều kiện được xét tuyển: Các môn thi chuyên ngành, cơ sở đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10); môn Ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100).

Xét trúng tuyển:

- Chuyên khoa cấp I: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển người có điểm môn chuyên ngành cao hơn.

- Chuyên khoa cấp II: Tính tổng điểm môn chuyên ngành xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có điểm chuyên ngành bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển người có điểm môn Ngoại ngữ cao hơn hoặc người được miễn Ngoại ngữ.

2. Bác sĩ nội trú

Điều kiện được xét tuyển: thí sinh dự thi phải đạt điểm các môn thi như sau:

- Môn thi 4: môn chuyên ngành phải đạt từ 7,0 điểm trở lên.
- Môn thi 1, 3 và 5: mỗi môn thi phải đạt từ 5,0 điểm trở lên
- Môn thi 2 (ngoại ngữ): phải đạt từ 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100).

Xét trúng tuyển: Theo tổng điểm 4 môn thi (*Không tính môn Ngoại ngữ*)

- Việc xét trúng tuyển trên nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp theo chuyên ngành đăng ký dự thi. (*Khi thí sinh có tổng điểm bằng nhau sẽ xét điểm môn thi 2*).

- Bác sĩ nội trú bệnh viện sẽ học trong 3 năm, học viên thường trú tại bệnh viện thực hành phù hợp với yêu cầu của từng chuyên ngành để học tập, làm việc thường xuyên, tốt nghiệp được cấp cả bằng Bác sĩ nội trú và CKI (*đối với những chuyên ngành nội trú mà Trường có đào tạo trình độ thạc sĩ tương ứng thì học viên sẽ được cấp thêm bằng thạc sĩ nếu thí sinh có đăng ký dự thi trình độ thạc sĩ và phải dự thi thêm môn 6 tương ứng là môn cơ sở của tuyển sinh trình độ thạc sĩ*).

3. Trình độ Thạc sĩ

Điều kiện được xét tuyển: Các môn thi chuyên ngành, cơ sở đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10) và môn Ngoại ngữ đạt từ 50 điểm trở lên (theo thang điểm 100).

Xét trúng tuyển: Tính tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển theo thứ tự: thí sinh là nữ; người có điểm môn chuyên ngành cao hơn, có điểm môn ngoại ngữ cao hơn hoặc người được miễn thi môn ngoại ngữ.

4. Trình độ Tiến sĩ

Điều kiện được xét tuyển: Tổng điểm phần 1: Điểm hồ sơ (40/100 điểm và thí sinh phải đạt từ 20 điểm trở lên) và điểm phần 2: Điểm đề cương (60/100 điểm và thí sinh phải đạt từ 30 điểm trở lên) phải đạt từ 50 điểm trở lên.

Xét trúng tuyển: Tính tổng điểm 2 phần, xếp thứ tự từ cao xuống thấp, lấy đến hết chỉ tiêu từng ngành. Trường hợp người dự tuyển có tổng điểm bằng nhau sẽ ưu tiên xét trúng tuyển theo thứ tự người có điểm phần 2 cao hơn, số bài báo được tính điểm nhiều hơn, chứng chỉ Ngoại ngữ cấp độ cao hơn.

VIII. THỜI GIAN CÔNG BỐ KẾT QUẢ VÀ NHẬP HỌC

Công bố kết quả trúng tuyển: 05-10/9/2019. Nhập học (dự kiến): 25/09/2019

Đối với thí sinh dự tuyển trình độ tiến sĩ: công bố kết quả và nhập học (dự kiến) 25/09/2019

Ghi chú: Mọi chi tiết xin liên hệ Phòng Đào tạo Sau đại học - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (*Lưu ý: chỉ liên hệ trong giờ hành chính*)

ĐT: 0292.3.781.082

Fax: 0292.3.740.221

Email: sdh@ctump.edu.vn

* Thông báo này thay cho giấy triệu tập ôn thi và thi.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế (báo cáo);
- Cục KH CN & ĐT (để biết);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Vụ Đại học (để biết);
- Khoa: Y, RHM, Dược, YTCC, KHCB, Điều dưỡng & KTYH;
- P. CNTT, website Trường;
- P. TCKT;
- Lưu: P. HCTH, P. ĐTSĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trung Kiên